

Bản án số: 12/2020/HS-ST  
Ngày 28-10-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tô Cần.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đặng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Thi - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 15/10/2020, đối với bị cáo:

Đỗ Thanh S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/4/1967 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Xe ôm; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn Giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12.

Con ông Đỗ L1, sinh năm 1921 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1922 (đã chết). Vợ: Bà Ngô Thị Thu H1 (đã ly hôn năm 2016) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ 16 giờ 00 phút ngày 15/5/2020 đến 15 giờ 30 phút ngày 24/5/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 09/10/2020 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

**Bị hại:** Ông Trương Văn T1, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Đỗ Như Th, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu Đỗ Thu Ng1, sinh ngày 17/12/2002 và cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/12/2007.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Di, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện cho cháu Ng1 và cháu T2: Bà Đỗ Như Th – Là chị ruột.

- Ông Phan Văn H2, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào chiều ngày 14/5/2020, sau khi cùng nhau đi dự đám cưới tại xã S, huyện Sơn Hà, ông Trương Văn T1 và Đỗ Thanh S về lại thị trấn D, huyện S. Sau đó, ông T1 tổ chức uống bia cùng với Đỗ Thanh S, Tô Hữu Ch và Phạm Đình Ng2 tại nhà ông T1 ở tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S. Trong lúc đang nhậu, Đỗ Thanh S phát hiện 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng rơi gần chỗ S ngồi, quan sát không thấy ai để ý, S lấy tờ tiền này bỏ vào túi quần; sau đó S nhìn xung quanh thì thấy trên cây đàn Organ ở gần đó có một xấp tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm số tiền này. Để thực hiện ý định, Đỗ Thanh S ngồi trên ghế nhựa gần cây đàn Organ, lợi dụng ông T1, ông Ch và ông Ng2 không để ý, S xoay người nhanh chóng lấy xấp tiền bỏ vào túi quần rồi ra ngoài và đi về nhà, S đếm số tiền lấy được tổng cộng là 3.200.000đồng.

Tại Kết luận giám định số 512/KLGD-PC09, ngày 22/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận:

Dữ liệu lưu trữ trong 01 USB 8GB, hiệu SanDisk, trên có số hiệu SDCZ33 BI20037975W bên trong có lưu 01 tập tin video có tên “20200515153254824-c3b09620751c4a 92b284606f 0a2a41f6-187799135.mp4”, dung lượng 6.49MB, bao gồm:

- Trích xuất 12 hình ảnh đại diện từ đoạn video lưu trữ trong USB.
- Sao chép 12 hình ảnh trích xuất và tập tin video có tên “20200515153254824-c3b09620751c4a92b284606f 0a2a41f6-187799135.mp4”, dung lượng 6.49MB sang đĩa DVD.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: Số tiền 2.000.000đồng do Phan Văn H2 giao nộp và số tiền 350.000đồng tạm giữ trên người Đỗ Thanh S, 01 chiếc ví màu nâu, 01 USB 8GB, hiệu SanDisk, trên có số hiệu SDCZ33 BI20037975W do ông Trương Văn T1 nộp và 01 đĩa DVD lưu giữ tập tin video có tên “20200515153254824-c3b09620751c4a92b284606f 0a2a41f6-187799135.mp4”. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại 01 ví da màu nâu cho Đỗ Thanh S và 01 USB 8GB, hiệu SanDisk, trên có số hiệu SDCZ33 BI20037975W cho ông Trương Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, ông Trương Văn T1 khai số tiền bị trộm cắp là 3.700.000đồng, bị cáo Đỗ Thanh S khai nhận số tiền chiếm đoạt của ông T1 là 3.200.000đồng. Tuy nhiên bị cáo S vẫn trả cho ông T1 3.700.000đồng, ông T1 đã nhận đủ tiền và không còn yêu cầu gì về phần dân sự.

Bản cáo trạng số: 377/CT-VKS ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Đỗ Thanh S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Thanh S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Thanh S về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Đỗ Thanh S từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Đối với Đỗ Như Th, Đỗ Thu Ng1, Đỗ Anh T2 được bị cáo S cho tổng số tiền 430.000đồng và ông Phan Văn H2 được bị cáo S trả tiền nợ cho ông H2 số tiền 2.000.000đồng, tuy nhiên những người này không biết là tài sản do bị cáo S phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát thấy có căn cứ.

Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra, ông Trương Văn T1 đã nhận đủ số tiền bị mất do bị cáo S trả lại và không còn yêu cầu gì về phần dân sự và ông Phan Văn H2 không có yêu cầu gì đối với bị cáo S trong vụ án này, Viện kiểm sát không đề cập đến nội dung này.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.000.000đồng bị cáo S trả nợ cho ông Phan Văn H2, ông H2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và số tiền 350.000đồng tạm giữ trên người bị cáo S, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo S.

Đối với 01 đĩa DVD lưu giữ tập tin video có tên “20200515153254824-c3b09620751c4a92b284606f\_0a2a41f6-187799135.mp4” kèm theo Kết luận giám định số 512/KLGD-PC09, ngày 22/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ông Trương Văn T1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S vì hoàn cảnh bị cáo S khó khăn.

Lời nói sau cùng, bị cáo S thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi của mình là đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Chiều ngày 14/5/2020, trong lúc đang nhậu tại nhà ông Trương Văn T1, bị cáo S phát hiện 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng rơi gần chỗ bị cáo ngồi, quan sát không thấy ai để ý, S lấy tờ tiền này bỏ vào túi quần và sau đó lén lút lấy tiếp số tiền trên đàn Organ của ông T1, tổng cộng là 3.200.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Thanh S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo lén lút trộm cắp số tiền 3.200.000đồng của ông Trương Văn T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền bị mất cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật.

Đối với Đỗ Như Th, Đỗ Thu Ng1, Đỗ Anh T2 được bị cáo S cho tổng số tiền 430.000đồng và ông Phan Văn H2 được bị cáo S trả nợ số tiền 2.000.000đồng, tuy nhiên những người này không biết là tài sản do bị cáo S phạm tội mà có nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đang sống một mình cùng với cháu nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không còn yêu cầu gì về phần dân sự và ông Phan Văn H2 không có yêu cầu gì đối với bị cáo S trong vụ án này, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 2.000.000đồng bị cáo S trả nợ cho ông Phan Văn H2, ông H2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và số tiền 350.000đồng tạm giữ trên người bị cáo S, đây là số tiền hợp pháp của bị cáo Đỗ Thanh S, nên Hội đồng xét xử cần tuyên trả lại cho bị cáo S.

Đối với 01 đĩa DVD lưu giữ tập tin video có tên “20200515153254824-c3b09620751c4a92b284606f 0a2a41f6-187799135.mp4” là vật chứng nên cần lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thanh S 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/10/2020). Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo S đến khi có Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Thanh S cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại số tiền 2.350.000đồng (*Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) cho bị cáo Đỗ Thanh S (phản ánh tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Thanh S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Cẩn**

**Nguyễn Thị Nguyệt**

**Trần Mến**

